|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN TIÊN LÃNG**TRƯỜNG TIỂU HỌC TOÀN THẮNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /KHNH - THTT | *Toàn Thắng, ngày 28 tháng 9 năm 2022* |

 **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 – 2023**

Thực hiện Công văn số 341/GDĐT-TH ngày 06/09/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Tiên Lãng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2022 - 2023;

*Căn cứ vào kết quả đạt được năm học 2021- 2022 và căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và địa phương.*

Trường Tiểu học Toàn Thắng xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 như sau:

1. **ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:**

**1. Học sinh:**

- Trường có 12 lớp với 361 học sinh, bộ máy tổ chức đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường Tiểu học.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối lớp | Tổng số học sinh | Nữ | Tổng số lớp | HS khuyết tật, hoà nhập | Học 2 buổi/ngày | HọcTiếng Anh |
| 361 | 170 | 12 | 1 | 361 | 361 |
| Khối 1 | 60 | 29 | 02 | 0 | 60 | 60 |
| Khối 2 | 84 | 37 | 03 | 0 | 84 | 84 |
| Khối 3 | 70 | 34 | 02 | 0 | 70 | 70 |
| Khối 4 | 66 | 32 | 02 | 0 | 66 | 66 |
| Khối 5 | 81 | 38 | 03 | 1 | 81 | 81 |

**2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:**

 Tổng số CBGVNV: 20 đ/c - Nữ: 17 đ/c.

a) Trình độ chuyên môn:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức danh** | **Tổng số** | **Trình độ chuyên môn nghiệp vụ** | **Thừa, thiếu** |
| **Th. sĩ**  | **ĐH** | **CĐ** | **TC** |  |
| 1 | Cán bộ quản lí | 02 |  | 02 |  |  |  |
| 2 | Nhân viên | Kế toán  | 01 |  | 01 |  |  |  |
| Bảo vệ | 01 |  |  |  |  |  |
| 3 | GV dạy ÂN, TPT Đội | 01 |  | 01 |  |  |  |
| 4 | Giáo viên văn hóa | 13 |  | 13 | 0 |  |  |
| 5 | Giáo viên tiếng Anh | 01 |  | 01 |  |  |  |
| 6 | Giáo viên Mĩ thuật | 01 |  | 01 |  |  |  |
| 7 | Giáo viên GDTC | 0 |  |  |  |  | -01 |
| 8 | Giáo viên Tin học, Công nghệ |  |  |  |  |  | -01 |
| **Tổng** | **20** | **0** | **19** | **00** | **0** | **-02** |

 \* Số giáo viên dạy 2 buổi/ ngày 16 GV/12 lớp đạt tỉ lệ 1,33 GV/lớp.

 **3. Cơ sở vật chất:**

 - Trường có tổng diện tích là: 6730m2. Tính trung bình đạt 18.74m2/HS.

 - Trường có tổng số phòng học và phòng làm việc: 22

+ Phòng chức năng: 7 phòng.

+ Phòng học: 15 phòng. (Trong đó: 12 phòng học văn hóa và 3 phòng học chuyên gồm: Ngoại ngữ, Âm nhạc, Tin học)

**4. Những thuận lợi, khó khăn và thách thức:**

***\* Thuận lợi:***

 - Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của lãnh đạo địa phương, của các ban ngành đoàn thể và sự đồng thuận của phụ huynh học sinh.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đa số nhiệt tình tâm huyết, trình độ tay nghề khá vững vàng, đoàn kết nội bộ tốt, có sự phân công trách nhiệm cụ thể, Ban giám hiệu và các đoàn thể phối hợp công tác chặt chẽ, các đồng chí đồng nghiệp luôn hỗ trợ nhau về mọi mặt.

- Cơ sở vật chất luôn được nhà trường cải tạo, giữ gìn và bảo quản tốt phục

vụ điều kiện học cho học sinh.

- Có đủ phòng học để duy trì học 2 buổi/ngày. 100% bàn ghế theo đúng tiêu chuẩn quy định.

***\* Khó khăn*:**

- Cơ sở vật chất của nhà trường: Thiếu nhà năng, khu vệ sinh còn tam bợ, sân tập thể dục, thể thao đọng nước cần được tôn cát để đảm bảo điều kiện dạy học và vui chơi cho học sinh, chưa có hệ thống máy tính để triển khai dạy tin học cho học sinh lớp 3 theo lộ trình chương trình GDPT 2018;

- Đội ngũ giáo viên:

+ Một số đ/c tinh thần tự giác phấn đấu trong công tác chưa cao, chưa thực sự chủ động tự học nâng cao trình độ tin học nên việc UDCNTT vào dạy học hiệu quả chưa cao.

+ Một số giáo viên trẻ mới ra trường kinh nghiệm giảng dạy còn hạn chế.

+ Thiếu giáo viên dạy giáo dục thể chất, dạy Tin học, Công nghệ và giáo viên TPT cũng như nhân viên theo chỉ tiêu giao.

**B. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

1. Tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2022-2023 bảo đảm an toàn trường học; chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học, phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

2. Thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình GDPT 2018) đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (Chương trình GDPT 2006) đối với lớp 4, lớp 5.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; tham mưu kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để có đủ giáo viên, đảm bảo chất lượng dạy học các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng giáo dục; tham mưu thực hiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; bảo đảm thực hiện dạy học 2 buổi/ngày theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

5. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

**C. NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

**I. THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**1. Kế hoạch thời gian năm học:**

Thực hiện Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban Kế hoạch thời gian năm học 2022 – 2023.

**2. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học trong phòng, chống dịch bệnh, thực hiện mục tiêu kiên trì chất lượng giáo dục:**

Chủ động chuẩn bị các kịch bản, phương án tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp trong trường hợp xảy ra dịch bệnh tại địa phương. Chủ động phương án để thực hiện hiệu quả, đảm bảo duy trì mục tiêu chất lượng giáo dục.

**3. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục**

Năm học 2022-2023 thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và Chương trình GDPT 2006 đối với lớp 4, lớp 5.

**3.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học**

Năm học 2022-2023 căn cứ khung phân phối chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các văn bản hướng dẫn của cấp trên. Trường Tiểu học Toàn Thắng đã ban hành kế hoạch dạy học và giáo dục cho các môn học như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hoạt động giáo dục** | **Số tiết lớp 1** | **Số tiết lớp 2** | **Số tiết lớp 3** | **Số tiết lớp 4** | **Số tiết lớp 5** |
| **Tổng** | **HKI** | **HKII** | **Tổng** | **HKI** | **HKII** | **Tổng** | **HKI** | **HKII** | **Tổng** | **HKI** | **HKII** | **Tổng** | **HKI** | **HKII** |
| **1. Môn học/ HĐGD bắt buộc** |
| 1 | Tiếng Việt | 420 | 216 | 204 | 350 | 180 | 170 | 245 | 126 | 119 | 280 | 144 | 136 | 280 | 144 | 136 |
| 2 | Toán | 105 | 54 | 51 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 |
| 3 | Đạo đức | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 4 | Tự nhiên và xã hội | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Giáo dục thể chất | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 6 | Nghệ thuật: (ÂN, MT) | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 7 | Hoạt động trải nghiệm | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Tin học |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 17 |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Công nghệ |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 17 |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Kĩ thuật |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 10 | Khoa học |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 11 | Lịch sử và Địa Lí |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 12 | GDTT |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 13 | Tiếng Anh  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 140 | 72 | 68 | 70 | 36 | 34 | 105 | 54 | 51 |
| **2. Hoạt động củng cố, tăng cường** |
| 13 | Bổ sung Tiếng Việt | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 14 | Bổ sung Toán | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 105 | 54 | 51 | 70 | 36 | 34 |
| **Tổng** | **1120** | **576** | **544** | **1120** | **576** | **544** | **1120** | **576** | **544** | **1120** | **576** | **544** | **1120** | **576** | **544** |

**3.2. Xây dựng Kế hoạch GDNT thực hiện chương trình GDPT**.

- Linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học/HĐGD phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của học sinh, đảm bảo về yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình; tạo môi trường để học sinh trải nghiệm, vận dụng kiến thức đã học, phát huy năng lực, phẩm chất đã đạt được vào thực tế cuộc sống.

**3.3. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3.**

- Đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; tiếp tục tham mưu với cấp trên bổ sung nhân lực, phấn đấu đảm bảo tỷ lệ 1,5 giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục.

- Các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố thực hiện theo định mức của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng.

**3.4. Tổ chức thực hiện Chương trình GDPT 2006 đối với các lớp 4; 5**

- Thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp từng đối tượng học sinh.

- Tổ chức dạy học cho học sinh lớp 5 tiếp cận nội dung chương trình các môn học/hoạt động giáo dục Chương trình GDPT 2018, đảm bảo sự chuẩn bị tốt nhất về kiến thức, kỹ năng, năng lực, phẩm chất để học sinh học lớp 6 theo Chương trình GDPT 2018.

**3.5. Triển khai lựa chọn sách giáo khoa lớp 4 năm học 2023-2024**

- Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, nhà trường sẽ chỉ đạo các tổ chuyên môn nghiên cứu lựa chọn sách giáo khoa (SGK) lớp 4 theo quy định tại Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 quy định về việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông, báo cáo kết quả về Phòng GD&ĐT để tổng hợp đề xuất danh mục SGK lớp 4 và các kiến nghị điều chỉnh, bổ sung danh mục SGK lớp 1, lớp 2, lớp 3 sử dụng cho năm học 2023-2024.

- Dự kiến giáo viên giảng dạy lớp 4 năm 2023- 2024 để tham gia các lớp tập huấn thay sách do cấp trên tổ chức.

**4. Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và tự chủ của nhà trường, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục.**

- Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm, đảm bảo sự tham gia của nhiều đối tượng như cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội

- Thực hiện dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch về chất lượng giáo dục và điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định của pháp luật về trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.

**5. Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT**

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kế hoạch giáo dục nhà trường, đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh. Từng bước thực hiện số hóa hồ sơ quản lý bảo đảm tinh gọn và hiệu quả.

**6. Ðổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đánh giá học sinh:**

**6.1. Đổi mới phương pháp dạy học**

**a. Soạn bài:**

- Giáo viên chủ động tự học, tự bồi dưỡng, sử dụng thành thạo vi tính, khai thác mạng để cập nhật thông tin, thiết kế bài dạy có hỗ trợ công nghệ thông tin.

- Bài soạn cô đọng, xúc tích, ngắn gọn thể hiện rõ hướng đổi mới phương pháp, hệ thống câu hỏi ngắn gọn, phân chia thời gian hợp lý.

**b. Giảng bài:**

 - 100% giáo viên đăng ký dạy học đảm bảo theo chuẩn kiến thức kĩ năng đáp ứng phát triển năng lực phẩm chất của học sinh.

 - 100% giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, trong đó:

 + Xếp loại Tốt: 12 đ/c trở lên, đạt tỉ lệ 75 % trở lên

 + Xếp loại Khá: 4 đ/c trở xuống , đạt tỉ lệ 25 % trở xuống

 - 100% CB, GV, NV và học sinh tham gia luyện thực hành nói, viết chuẩn tiếng Việt; đặc biệt phát âm chuẩn triệt để l/n.

- Thực hiện quy chế chuyên môn:

 Tốt: 13 đ/c trở lên: Đạt 81,25% trở lên; còn lại là Khá

**6.2. Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh tiểu học:**

- Đối với học sinh lớp 1,2,3: Thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

- Đối với học sinh lớp 4; 5: Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**7. Tổ chức các chuyên đề chuyên môn cấp trường và cấp huyện.**

- Cấp trường: 1 chuyên đề/tháng

- Cấp cụm, huyện: 8 đến 9 lần/năm

- Trên cơ sở bài học minh hoạ đã được xây dựng, giáo viên thực hiện dạy học để tổ, khối chuyên môn dự giờ, phân tích bài học, tập trung vào hoạt động học của học sinh và hoạt động tổ chức, hướng dẫn của giáo viên.

**8. Nâng cao chất lượng dạy học Ngoại ngữ, Kĩ năng sống**

- 100% học sinh được học Tiếng Anh từ lớp 1. Học sinh lớp 1; 2 học thời lượng 2 tiết/tuần; học sinh lớp 3 học thời lượng 4 tiết/ tuần; học sinh lớp 4 học thời lượng 2 tiết/ tuần; học sinh lớp 5 học thời lượng 3 tiết/tuần.

- Triển khai Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài để các em làm quen với cách phát âm chuẩn Tiếng Anh với thời lượng 2- 4 tiết/ tháng; trên tinh thần tự nguyện của phụ huynh học sinh.

- Phối hợp với Trung tâm phát triển kỹ năng Gaia triển khai giáo dục kỹ năng sống đối với học sinh toàn trường với thời lượng 2 - 4 tiết/tháng trên tinh thần tự nguyện của phụ huynh học sinh.

**9. Tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm.**

Triển khai tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày cho học sinh lớp 1,2,3,4,5 trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh.

Tăng cường công tác truyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong trường học, đưa nội dung giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và văn hóa giao thông vào trong chương trình chính khóa dưới hình thức tích hợp vào nội dung một số môn học và hoạt động giáo dục.

**10. Dạy học 2 buổi/ngày**

- 100% học sinh học 2 buổi/ngày đảm bảo mỗi ngày không quá 7 tiết, mỗi tiết học từ 35 đến 40 phút. Thời lượng từ 32 đến 35 tiết/tuần.

- Nâng cao chất lượng tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Không giao bài tập về nhà cho học sinh.

**12. Tham gia các hội thi chuyên môn, giao lưu các cấp**

**12.1. Đối với giáo viên:**

 + Tham gia giao lưu giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường, GV dạy giỏi các cấp, viết chữ đẹp các cấp.

 *\* Chỉ tiêu:*

 - 16/16 đ/c đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường.

 - GVCN giỏi cấp trường 12 đ/c

 - Phấn đấu 4 - 5 đ/c đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện

 - Giáo viên giỏi cấp thành phố: 1 - 2 đồng chí

 - Giáo viên viết chữ đẹp cấp huyện: 3 - 5 đồng chí

 - 100% CB, GV tham gia viết sáng kiến và trình bày giải pháp nâng cao chất lượng.

**12.2. Đối với học sinh:**

- Tham gia đầy đủ, có chất lượng các cuộc thi do ngành phát động.

- Tham gia đầy đủ có hiệu quả các giải giao lưu Olimpic Toán, trạng nguyên Tiếng Việt, trạng nguyên Toàn tài phát động trên mạng Internet.

**II. DUY TRÌ, CỦNG CỐ KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC, ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ KIẾM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA VÀ QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI TRƯỜNG, LỚP.**

**1. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ**

- Huy động trẻ sinh năm 2016 vào lớp 1: 56 em; Trong đó Đối tượng 1 có 44 em; đối tượng 3 có 10 em; đối tượng 4 có 2 em

- Hoàn thành chương trình tiểu học: 81 em = 100 %

- Hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi: 80 em = 98,7 %

- Duy trì đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 *(theo Nghị định 20 và Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT).*

**2. Đảm bảo hiệu quả kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia:**

- Tiếp tục duy trì và giữ vững trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 phấn đấu trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường chuẩn quốc gia Mức độ 2 trong thời gian tới.

**III. CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

**1. Công tác thi đua**

Tập thể: + Tập thể lao động tiên tiến.

 + Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

 + Công Đoàn vững mạnh xuất sắc.

 + Liên đội vững mạnh xuất sắc.

Cá nhân: + Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 2 - 3 đ/c.

 + Lao động tiên tiến: 15 - 16 đ/c

 + Giáo viên giỏi cấp thành phố: 02

 + Giáo viên giỏi cấp huyện: 3 - 5 đ/c

 + Giáo viên viết chữ đẹp cấp huyện: 3 – 5 đ/c

 + Giáo viên dạy giỏi cấp trường 14 đ/c trở lên

 + Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường: 12 đ/c.

**2. Khen thưởng cấp trên:**

\* Tập thể: Giấy khen của UBND huyện.

\* Cá nhân: 02 - 03 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 01 Bằng khen UBND thành phố.

**3. Chất lượng học sinh:**

- Chất lượng kiểm tra khảo sát cuối năm: Điểm bình quân chung các môn tham gia khảo sát xếp trong tốp 10 của huyện.

- Tỷ lệ lên lớp, hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 99%.

- Kết quả các cuộc giao lưu do thành phố tổ chức đạt 14 đến 15 giải; do huyện tổ chức đạt 8- 10 giải, có giải cấp quốc gia.

- Khen Học sinh xuất sắc (đối với lớp 1,2,3) và hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện (lớp 4;5): 127 em đạt 35,2%,

- HS được khen có thành tích vượt trội, vượt bậc (khối 4,5): 45 em trở lên: Đạt: 31,25% trở lên

- HS Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện (khối lớp 1,2,3): 78 em trở lên. Đạt: 36,4% trở lên

 - Cháu ngoan Bác Hồ 80% trở lên

**D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

 1. Phân công nhiệm vụ các thành viên một cách cụ thể, sát thực với năng lực và điều kiện của từng thành viên

 2. Kiểm tra giám sát: - Kiểm tra chuyên môn: Theo kế hoạch tháng.

- Kiểm tra sư phạm nhà giáo kết hợp với đánh giá giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

- Thực hiện xuyên suốt trong cả năm học; đánh giá xếp loại vào cuối tháng 4 năm 2023.

- Kiểm tra chuyên đề: Theo kế hoạch tháng

 - Kiểm tra các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp: Theo kế hoạch tháng

 3. Chế độ báo cáo

- Hàng tháng, bộ phận chuyên môn và các bộ phận khác tổng kết công tác tháng và lập kế hoạch cho tháng tới;

- Sơ kết từng học kỳ;

- Báo các theo yêu cầu của ngành.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 của trường Tiểu học Toàn Thắng. Kế hoạch này được thông qua tại Hội nghị cán bộ viên chức đầu năm học. Yêu cầu tất cả các cán bộ, giáo viên, nhân viên nghiêm túc thực hiện./.

 ***Nơi nhận:* HIỆU TRƯỞNG**

 - Phòng GD&ĐT; UBND xã (để b.c)

 - Ban ĐDCMHS;
 - CĐ, TPT, TTCM; (đề th.hiện)

 - Công khai trang Wed trường; **Phạm Thị Thúy**

 - Lưu: VT.